

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 250/2019/HS-ST  
Ngày: 13-9-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, A NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Quỳ

Bà Vương Thị Minh Tân.

***- T ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Hương – T ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, A Nam Định tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, A Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 221/2019/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc T, sinh năm 1985 tại xx. Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện N, A Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân T và Tống Thị B; vợ: Trần Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 30-3-2019 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

2. Đặng Ngọc A, sinh năm 1987 tại xx. Nơi cư trú: Thôn Ngọc A, xã N, huyện Nam T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Xuân L và bà Đặng Thị H; vợ: Nguyễn Thị K và có 2 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 30-3-2019 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

3. Phạm Ngọc K, sinh năm 1990 tại xxx. Nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn M và Trần Thị O; vợ: Nguyễn Thị Thúy H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 30-3-2019 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

4. Trần Đắc B, sinh năm 1985 tại xxx. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đắc T và bà Vũ Thị N; vợ: Trần Thị N và có 1 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 30-3-2019 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Sơn xxx Việt Nam; địa chỉ trụ sở chính: Số xx, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Đức P – Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn H, có quen biết với Trần Quốc T. Ngày 03-8-2017, T cho anh H vay 100.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày, anh H viết giấy vay nợ T số tiền trên. Tháng 10-2017, T tiếp tục cho anh H vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày. Đến tháng 3-2018, anh H đã trả được cho T số tiền lãi theo thỏa thuận số tiền gốc thì anh H chưa thanh toán cho T. Số tiền lãi anh H chuyển qua tài khoản có số: 111572666 mở tại ngân hàng VP Bank của T vào các ngày 10, 20 hàng tháng. Cuối tháng 3-2018, T tiếp tục cho anh H vay số tiền 145.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Từ thời điểm này Anh H không còn khả năng trả tiền gốc và lãi cho T nữa nên đến ngày 23-7-2018 anh H viết cho T giấy vay chót nợ số tiền 350.000.000 đồng (do lâu ngày không trả tiền lãi nên T và H thống nhất làm tròn số tiền nợ).

Sau đó, T nhiều lần gọi điện cho H để đòi tiền nhưng anh H đều xin khất nợ. Tối ngày 22-3-2019 T gọi điện cho anh H, hai bên thống nhất số tiền lãi anh H nợ T từ tháng 3-2018 đến tháng 3-2019 là 55.000.000 đồng, anh H đặt vấn đề vay

thêm của T 100.000.000 đồng không lãi suất để kinh doanh và hẹn sẽ trả toàn bộ số tiền gốc, lãi cho T trong vòng 2 tháng. T đồng ý và hẹn gặp anh H vào sáng ngày 23-3-2019 tại thành phố Nam Định. Ngoài ra qua điện thoại, cả hai thỏa thuận T sẽ cho H mượn ô tô để cầm cố lấy số tiền 500.000.000 đồng, coi như 400.000.000 đồng là số tiền H đã trả nợ cho T, còn 100.000.000 đồng T sẽ cho H vay để kinh doanh. Sau đó, T gọi điện cho Trần Văn P, sinh năm 1985, trú tại: xxx, xã M, thành phố N là chủ quán cầm đồ Tuấn P tại số xx, xã L, thành phố N để làm thủ tục cầm xe. P sẽ không thanh toán số tiền cho H và P không biết số tiền anh H vay T, T sẽ chủ động thanh toán cho H nên P đồng ý.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 23-3-2019, T hẹn gặp anh H tại quán cà phê số xx và rủ Phạm Ngọc K, Đặng Ngọc A đi cùng đến gặp H. T điều khiển xe ô tô Nissan Navara màu cam, BKS 29H-xxx (A khai đây là xe ô tô của công ty sơn xxxx, trụ sở tại cụm công nghiệp P, huyện C, thành phố H bàn giao A quản lý, sử dụng, vận chuyển sơn) chở A và K. T nói với K và A: Do H nợ tiền lâu ngày chưa trả nên T mượn chiếc ô tô Nissan để đưa cho H đi cầm đồ lấy tiền trả T, H chỉ viết giấy cầm cố còn xe ô tô vẫn do T, A, B quản lý, sử dụng và T sẽ dùng giấy cầm đồ xe mục đích làm căn cứ nếu H không trả nợ thì sẽ tố cáo H lừa đảo chiếm đoạt tài sản, K và A đồng ý. Sau đó, T giao chìa khóa ô tô Nissan cho anh H và bảo anh H mang ô tô ra cửa hàng của P để làm thủ tục cầm đồ, khi đó mọi giấy vay nợ của anh H với T sẽ bị hủy, không còn giá trị. Khi anh H điều khiển xe ô tô Nissan đi, do T thấy không có đủ 100.000.000 đồng để cho anh H vay thêm nên T đã gọi điện cho P: Khi anh H đến thì chỉ viết giấy cầm đồ xe ô tô cho H với giá 460.000.000 đồng, P đồng ý. Ngoài ra, T gọi Trần Đắc B đi xe ô tô Lacetti màu đen, BKS 17A-xxx đến đi cùng cả nhóm. Khi đến quán của P, anh H thấy số tiền cầm đồ chiếc xe ít hơn thỏa thuận với T, anh H biết việc cầm cố chiếc xe Nissan chỉ là hình thức để nếu H không trả nợ cho T thì sẽ bị tố cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên H không cầm cố xe ô tô nữa và hẹn T ra quán nước gần cầu vượt nói chuyện. T điều khiển xe ô tô Lacetti chở K ra quán nước gặp H, còn A và B vẫn ngồi ở quán cà phê. Tại quán nước, anh H gọi điện cho mẹ là bà Nguyễn Thị T thông báo cho bà T về số tiền anh H nợ T và nhờ gia đình trả tiền nhưng bà T không đồng ý. Anh H đưa điện thoại để T nói chuyện với bà T nhưng bà T vẫn không đồng ý trả nợ cho anh H. Lúc này, anh H tiếp tục đặt vấn đề muốn vay T thêm 100.000.000 đồng để chuộc số đồ cổ đang cầm đồ và bán đi trả nợ T; T từ chối và bảo chỉ cho anh H vay 60.000.000 đồng. Hai bên đôi co chưa thống nhất được nên T gọi A đến giải quyết. Khoảng 12 giờ cùng ngày, A và B đi taxi đến quán nước, T nói với A về việc anh H không đồng ý mang xe đi cầm đồ và muốn vay thêm tiền. Nghe thấy thế, A bực tức và chửi H: “Mày mượn tiền người ta chưa trả, bây giờ đưa xe cho mày đi cầm đồ mà còn đòi thêm tiền nữa à”. A dùng tay túm áo kéo anh H ra phía xe ô tô

Nissan đang đỗ gần đây, bắt anh H đi theo cả nhóm đến nơi vắng người qua lại để giải quyết. Anh H không đồng ý và hất tay A ra thì bị A dùng tay tát 01 phát trúng mặt rồi kéo anh H ra phía cốp xe Nissan. A mở cốp xe, ép anh H vào nằm bên trong rồi đóng cốp xe nhốt anh H. Sau đó, T bảo K điều khiển xe ô tô Nissan chở T, A và anh H trong cốp xe đi trước, B một mình điều khiển xe ô tô Lacetti theo sau, mục đích tìm địa điểm vắng người để nói chuyện với anh H thì tất cả đều đồng ý. Khi đến ngã tư đường T, thành phố N, T gọi cho Vũ Ngọc T đến đi cùng cả nhóm. T lên xe ô tô Nissan thì được T kể lại vấn đề vay nợ giữa anh H và T. T đồng ý đi cùng cả nhóm và bảo T nếu cho anh H vay thêm thì bắt anh H viết giấy mượn xe. Khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, cả nhóm đưa anh H đến một điểm canh đê tại địa phận xã N, huyện A, tỉnh Nam Định cách cầu vượt xã L khoảng 10km. Lúc này, T bảo cả nhóm đưa anh H vào trong điểm nói chuyện, đánh cảnh cáo anh H, bắt anh H viết giấy mượn xe và đi cầm xe để nếu sau này đến hẹn anh H không trả tiền thì sẽ dùng giấy tờ trên tố cáo buộc anh H trả nợ. Lúc này T vẫn đồng ý cho anh H vay thêm 60.000.000 đồng. Tú, A, K, B đưa anh H vào trong điểm, còn T vẫn ngồi trên xe. Khi anh H bị giữ trong điểm T yêu cầu anh H viết giấy mượn xe ô tô và mang đi cầm đồ, anh H không đồng ý với yêu cầu của T thì bị A, B, K dùng tay chân đánh đập, A nhặt một cổ chai thủy tinh đã vỡ giờ lên đe dọa anh H. Do bị đánh, anh H đồng ý viết giấy mượn xe và nói với cả nhóm đưa anh H lên thành phố Nam Định để viết giấy, cả nhóm đều đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T, A, K, B đưa anh H đến khu vực công viên P – thành phố N còn T ra về trước. Tại đây, A đọc cho anh H viết giấy mượn xe ô tô Nissan. Sau đó T nói với cả nhóm góp tiền cho H vay luôn. T góp 3.000.000 đồng, mượn của A số tiền 18.000.000 đồng, mượn của K số tiền 10.000.000 đồng, mượn của B số tiền 9.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm đưa anh H đến quán cầm đồ của Phúc. Khi anh H vào gặp Plàm thủ tục cầm xe ô tô trị giá 460.000.000 đồng thì T đưa số tiền 40.000.000 đồng cho P để nhờ P đưa cho H, với mục đích để camera nhà P ghi lại hình ảnh anh H nhận tiền cầm xe làm căn cứ nếu sau này anh H không trả tiền thì sẽ tố cáo anh H đến cơ quan công an. P không biết việc anh H bị bắt, giữ và cụ thể số tiền anh H nợ T nên P đồng ý. Anh H viết giấy cầm xe ô tô Nissan cho P với số tiền 460.000.000 đồng và nhận từ P số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi làm xong thủ tục cầm cố xe, do biết số tiền 40.000.000 đồng vừa nhận là của T, chưa đủ với số tiền 60.000.000 mà anh H vay T nên anh H đã trả lại cho T. Số tiền 60.000.000 đồng mà anh H vay thêm, T hứa sẽ chuyển qua tài khoản ngân hàng cho anh H sau, anh H đồng ý và nói với T sẽ mượn tài khoản khác gửi cho T vì tài khoản ngân hàng của anh H đã bị quên mật khẩu. Sau đó, mọi người ra về. Ngày 29-3-2019, anh H đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Ngày 30-3-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K và Trần Đắc B. Tại Cơ quan điều tra, T, A, K, B đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Ngày 08-4-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K và Trần Đắc B về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Do Vũ Ngọc T đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã ra quyết định truy nã.

Ngày 25-4-2019, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Nam Định đã trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Nam Định giám định tỷ lệ Tạng tật của anh Nguyễn Văn H. Tại bản kết luận giám định pháp y về Thương tích số 72/19/TgT ngày 04-5-2019 của trung tâm pháp y tỉnh Nam Định kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho anh H là 0%. Cơ chế hình thành vết thương: Không xác định được vật tác động gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07-5-2019, đại diện gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn H 11.000.000 đồng, anh H đã nhận tiền và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K và Trần Đắc B.

Về vật chứng được thu giữ trong vụ án:

- Thu khi khám xét nơi ở của Trần Quốc T: 01 chứng minh T nhân dân mang tên Trần Quốc T, 03 thẻ ATM đều mang tên Trần Quốc T có số 9704320807xxxx, 970405091xxx, 970405075xxxx, 01 giấy vay tiền có chữ ký của Cao Văn K và Trần Quốc T, 01 bảng kê nộp tiền, 01 bảng thông báo mã số cá nhân mang tên Trần Quốc T (các đồ vật này xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Trần Quốc T do bố T là ông Trần Xuân T được T ủy quyền nhận thay); 02 giấy vay tiền có chữ ký của Nguyễn Văn H và Trần Quốc T (Cơ quan cảnh sát điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án).

- Thu khi kiểm tra hiện trường tại điểm canh đê thuộc xóm xx, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định: 01 cỗ chai thủy tinh vỡ, 01 cục áo (Cơ quan cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng).

- Thu khi bắt B: 01 xe ô tô nhãn hiệu Lacetti màu đen, BKS: 17A – xxx, số khung RLLANF46DBHxxxx, số máy: F16D3 – 05xxxx; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Lacetti, BKS 17A - xxxx, số KC 7xxxx; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số: DKxxxx, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 17A - xxx. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh và trả lại xe

ô tô và các giấy tờ trên cho chủ sở hữu là anh Đặng Văn K sinh năm 1981, trú tại: Thôn Ngọc A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Thu của Trần Văn P giao nộp: 01 giấy cầm đồ xe ô tô BKS 29H – xxx có chữ ký của Nguyễn Văn H. Cơ quan cảnh sát điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- Thu tại nhà Trần Đắc B do ông Trần Đắc T (bố của B) giao nộp: 01 ô tô Nissan BKS 29H - xxxx, 01 kiểm định xe ô tô BKS 29H - xxx, 01 giấy bảo hiểm xe ô tô BKS 29H - xxx, 01 bản sao đăng ký xe ô tô BKS 29H - xxx và đăng ký thế chấp (xe ô tô và các giấy tờ này Cơ quan cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng); 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn H (Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho H), 01 giấy mượn xe ô tô do Nguyễn Văn H viết (Cơ quan cảnh sát điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án).

Đối với hành vi cho anh H vay tiền vượt quá lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự của Trần Quốc T không cấu thành tội phạm. Việc xử lý hành chính đối với hành vi này của Trần Quốc T theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 167/NĐ-CP, hiện nay quy định trên không còn phù hợp nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với hành vi dùng tay chân đánh anh H của các đối tượng, do anh H không bị thương tích hoặc tổn hại đến sức khỏe nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” của Vũ Ngọc T, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an TP. Nam Định đã ra quyết định tách vụ án để điều tra, xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo khai: Lý do các bị cáo có hành vi bắt, giữ và đánh, bắt anh Nguyễn Văn H viết giấy mượn xe ô tô để đi cầm cố là do bức xúc việc anh H mượn tiền của T không trả còn đòi mượn thêm tiền và không làm theo yêu cầu của T. Mục đích các bị cáo có hành vi trên là để nếu sau này anh H không trả tiền cho T thì sẽ có căn cứ để T kiện anh H để anh H trả tiền cho T. Các bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tiền của anh H. Bị cáo T khai việc giải quyết tiền nợ giữa bị cáo với anh H đã giải quyết xong nên không đề nghị xin lại 2 giấy vay tiền giữa bị cáo và anh H mà cơ quan điều tra đã thu giữ.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sơn xxx Việt Nam trình bày: Chiếc xe ô tô Nissan BKS 29H - xxx là xe của công ty giao cho Đặng Ngọc A để làm phương tiện kinh doanh sơn cho công ty. Việc các bị cáo dùng xe làm phương tiện phạm tội là việc sử dụng trái phép tài sản của công ty. Đại diện công ty đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho công ty chiếc xe ô tô và các giấy tờ liên quan đến xe mà cơ quan điều tra đã thu giữ.

Bản cáo trạng số 220/CT-VKSTPNĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định truy tố các bị cáo Trần Quốc T,

Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K và Trần Đắc B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K và Trần Đắc B về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 08 tháng tù đến 09 tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc A từ 07 tháng tù đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc K từ 06 tháng tù đến 07 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.
- Xử phạt bị cáo Trần Đắc B từ 06 tháng tù đến 07 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Trả tự do cho bị cáo Phạm Ngọc K và bị cáo Trần Đắc B tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cúc áo hình tròn màu trắng có hai lỗ xỏ kim đã qua sử dụng và 01 cổ chai thủy tinh đã vỡ; trả lại cho Công ty TNHH Sơn xxxx Việt Nam 01 ô tô Nissan BKS 29H - xxxx và các giấy tờ liên quan đến xe, 01 chìa khóa xe đã thu giữ.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 12 giờ đến 14 giờ 30 phút ngày 23-3-2019, tại khu vực gầm cầu vượt xã L – thành phố N, Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K, Trần Đắc B đã có hành vi bắt, giữ anh Nguyễn Văn H và nhốt anh H trong cốp xe ô tô Nissan Navara BKS 29H - xxx và trong điểm canh đê tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau đó anh H có đơn trình báo công an xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định.

Xuất phát từ việc vay nợ giữa bị cáo Trần Quốc T và bị hại, vì anh H không có khả năng trả nợ cho bị cáo T nhưng lại muốn vay tiền tiếp, để đảm bảo cho khoản vay nợ, bị cáo T đã gọi điện rủ các bị cáo khác ép anh H viết giấy mượn xe để đi cầm cố để nếu trong trường hợp anh H không trả nợ đúng hạn hoặc không trả nợ thì sẽ làm bằng chứng tố cáo mục đích để cho anh H trả số tiền nợ. Khi anh H không làm theo yêu cầu, bị cáo T đã để cho các bị cáo khác có hành vi bắt, giữ anh H và nhốt anh H trong cốp xe ô tô Nissan Navara BKS 29H - xxx và đưa anh H đến nơi vắng đánh anh H trong điểm canh đê tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau đó anh H đã viết giấy mượn xe ô tô đi cầm cố. Trong giấy cầm cố có ghi cầm cố xe ô tô với số tiền 460.000.000 đồng nhưng trên thực tế bên nhận cầm cố không trả tiền cho bên cầm cố mà đó chỉ là hình thức để ràng buộc anh H có nghĩa vụ trả nợ tiền cho T. Các bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tiền của anh H.

Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, đơn trình báo và lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định, thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K, Trần Đắc B phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung:*

Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:*

4.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

4.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình các bị cáo đã bồi Tồng cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bố bị cáo Trần Quốc T là người có công với cách mạng. Vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. *Về hình phạt chính:*

Các bị cáo Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K, Trần Đắc B cùng thống nhất thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:



Xuất phát từ việc vay nợ giữa bị cáo Trần Quốc T và bị hại, vì anh H không có khả năng trả nợ cho bị cáo T nhưng lại muốn vay tiền tiếp, để đảm bảo cho khoản vay nợ, bị cáo T đã để cho các bị cáo khác có hành vi bắt, giữ anh Nguyễn Văn H và nhốt anh H trong cốp xe ô tô Nissan Navara BKS 29H -xxx và bảo các bị cáo đánh anh H trong điểm canh đê tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy xếp bị cáo T ở vai trò đầu trong vụ án. Về hình phạt cần có mức án cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

Bị cáo A là người thực hiện hành vi một cách tích cực và là người trực tiếp túm anh H và ấn anh H vào cốp xe và đánh anh H, vì vậy xếp bị cáo A vai trò sau bị cáo T. Về hình phạt cần có mức án thấp hơn bị cáo T và cao hơn so với bị cáo Phạm Ngọc K và Trần Đắc B.

Bị cáo Phạm Ngọc K, Trần Đắc B là người thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức một cách tích cực nên xếp các bị cáo vai trò cuối trong vụ án. Về hình phạt, cần có mức án thấp hơn so với bị cáo T và bị cáo A.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy cần ấn định cho các bị cáo mức hình phạt tù trong khung đã truy tố nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố.

Các bị cáo Trần Quốc T, Đặng Ngọc A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo bị xác định là vai trò chính trong vụ án nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

Bị cáo Phạm Ngọc K, Trần Đắc B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo có vai trò cuối trong vụ án, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, gia đình các bị cáo có đơn đề nghị cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương, vì vậy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo Phạm Ngọc K, Trần Đắc B đang bị tạm giam trong vụ án này và không bị tạm giam về một tội phạm khác; các bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo, căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo K và bị cáo B tại phiên tòa.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

Gia đình các bị cáo đã bồi Tòng cho anh Nguyễn Văn H số tiền 11.000.000 đồng, anh H đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

- 01 cúc áo hình tròn màu trắng có hai lỗ xỏ kim đã qua sử dụng và 01 vỏ chai thủy tinh đã vỡ không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- 01 xe ô tô Nissan Navara màu cam biển kiểm soát 29H - xxx đã cũ số khung MNTCC2DZxxxx, số máy Yxxxxx đã niêm phong; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Nissan Navara biển kiểm soát 29H - xxxx; 01 bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô Nissan biển kiểm soát 29H - xxx; 01 bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô Nissan biển kiểm soát 29H - xxx; 01 bản sao giấy biên nhận thế chấp xe ô tô Nissan Navara màu cam biển kiểm soát 29H - xxxx của Ngân hàng Sacombank; 01 chìa khóa của xe ô tô Nissan Navara biển kiểm soát 29H - xxxx là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Sơn xxxx Việt Nam. Công ty giao xe và các giấy tờ liên quan đến xe cho bị cáo A để sử dụng vào mục đích kinh doanh của công ty. Việc các bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội là sử dụng trái phép, căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử trả lại 01 ô tô Nissan BKS 29H - xxx và các giấy tờ liên quan đến xe đã thu giữ cho Công ty TNHH Sơn xxxx Việt Nam.

[7] *Án phí Hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K, Trần Đắc B phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2019.

2.2. Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc A 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-3- 2019 đến ngày xét xử 13-9-2019) thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc K cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Phạm Ngọc K tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3.2. Xử phạt bị cáo Trần Đắc B 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-3- 2019 đến ngày xét xử 13-9-2019) thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đắc B cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Trần Đắc B tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cúc áo hình tròn màu trắng có hai lỗ xỏ kim đã qua sử dụng và 01 cổ chai thủy tinh đã vỡ cạnh sắc nhọn dài 10 cm;

- Trả lại Công ty TNHH Sơn xxx Việt Nam 01 xe ô tô Nissan Navara màu cam biển kiểm soát 29H - xxxx đã cũ số khung MNTCCxxxxx, số máy YDxxxxx đã niêm phong; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Nissan Navara biển kiểm soát 29H - xxxx; 01 bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô Nissan biển kiểm soát 29H - xxx; 01 bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô Nissan biển kiểm soát 29H - xxxx; 01 bản sao giấy biên nhận thế chấp xe ô tô Nissan Navara màu cam biển kiểm soát 29H - xxxx của Ngân hàng Sacombank; 01 chìa khóa của xe ô tô Nissan Navara biển kiểm soát 29H - xxxx.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng).

6. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K, Trần Đắc B mỗi bị cáo pH nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng)

7. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Trần Quốc T, Đặng Ngọc A, Phạm Ngọc K, Trần Đắc B; công ty TNHH Sơn xxx Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự: Các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân A Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- UBND xã Nam Hồng, huyện Nam Trực A Nam Định;
- UBND xã Nam Thanh, huyện Nam Trực A Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Mai Anh**

